

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2019/DS-ST

Ngày: 27-11-2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Kiên

2. Bà Lê Thị Thanh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2019/TLST- DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 về *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2019/QĐXXST-DS ngày 25-10-2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Triệu Thị N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: số 63, đường Phan Đăng L, tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Nam B, sinh năm 1982 và bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ 14, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Nơi công tác của ông B: Công an phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông B và bà Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 23-8-2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28-8-2019 và bản tự khai ngày 28-8-2019 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Triệu Thị N trình bày:

Do có quen biết, nên ngày 15/11/2018 ông Trần Nam B và bà Huỳnh Thị Đ có vay của bà số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng), cụ thể: ngày

15/11/2018 bà chuyển 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), ngày 10/12/2018 bà chuyển 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) vào số tài khoản số 0291000248401 của bà Huỳnh Thị Đ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Gia Lai và ngày 15/01/2019 ông B nhận tại nhà bà 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Lãi suất do hai bên thỏa thuận là 3%/tháng. Sau đó ông B có chuyển khoản trả cho bà được 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) nợ gốc và 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nợ lãi. Theo giấy vay ông B, bà Đ cam kết thời hạn trả nợ từ 01 đến 02 tháng kể từ ngày ký giấy vay. Tuy nhiên bà đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả số tiền trên và tố cáo đến Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai để yêu cầu ông B, bà Đ trả số tiền còn nợ, tại Thông báo kết quả giải quyết tố cáo số 852/TB-CATP ngày 26/7/2019 của Công an thành phố P kết luận ông B, bà Đ có vay số tiền của bà là đúng; nhưng từ đó đến nay ông B, bà Đ không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Trần Nam B và bà Huỳnh Thị Đ trả cho bà 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) nợ gốc và bà không yêu cầu ông B, bà Đ phải trả nợ lãi của số tiền nói trên.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với ông Trần Nam B và bà Huỳnh Thị Đ. Tuy nhiên, ông Trần Nam B và bà Huỳnh Thị Đ không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, ông Trần Nam B và bà Huỳnh Thị Đ không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn là bà Triệu Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Trần Nam B và bà Huỳnh Thị Đ có nơi cư trú tại tổ 14, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai và nơi công tác của ông B tại Công an phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền vay. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2]. Ông Trần Nam B và bà Huỳnh Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Nam B và bà Huỳnh Thị Đ.

[3] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là giấy vay tiền ngày 15-11-2018 và chứng từ giao dịch ủy nhiệm chi để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Chứng cứ giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp có chữ ký ghi tên ông Trần Nam B và bà Huỳnh Thị Đ, nguyên đơn cho rằng đã yêu cầu bị đơn trả nợ nhiều lần, quá thời hạn 01 tháng đã thỏa thuận nhưng bị đơn không trả. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt đơn khởi kiện, cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng không có ý kiến phản đối, do đó có căn cứ xác định giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp

cho Tòa án và thời hạn trả nợ như nguyên đơn đã trình bày cho Tòa án là đúng sự thật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà Triệu Thị N và ông Trần Nam B, bà Huỳnh Thị Đ được giao kết hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã cam kết, nhưng do ông Trần Nam B, bà Huỳnh Thị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên bà Triệu Thị N khởi kiện là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị N, buộc ông Trần Nam B và bà Huỳnh Thị Đ phải trả cho bà Triệu Thị N 70.000.000 (bảy mươi triệu đồng) nợ gốc theo quy định tại Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về nợ lãi: bà Triệu Thị N không yêu cầu bị đơn trả nợ lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị N được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị N.

Buộc ông Trần Nam B và bà Huỳnh Thị Đ phải trả cho bà Triệu Thị N 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) nợ gốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Nam B và bà Huỳnh Thị Đ phải chịu 3.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Triệu Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà N 1.910.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001873 ngày 28-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.P;
- THADS Tp.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu